

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 19-6-2018

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dũ

*Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Đức Khải

Ông Mai Thiện Kế

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:** Ông Nguyễn Văn Sạch - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2018/HNGĐ-ST ngày 20/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐ-PT, ngày 14/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 69/2018/QĐ-PT, ngày 06/6/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lai Thị Ngọc Đ, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: số 171 ấp A, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Triệu Thái D, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp L, thị trấn T, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Triệu Thái D.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 12 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lai Thị Ngọc Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Triệu Thái D tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phường Z, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng) và được Ủy ban nhân dân xã này cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45, Quyển số 01/2004 ngày 25 tháng 10 năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống với nhau đến tháng 11 năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do ông D có người phụ nữ khác ở bên

ngoài, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn được hạnh phúc nữa và hai người ly thân với nhau cũng từ tháng 11 năm 2015 cho đến nay. Nay bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng bà chung sống với nhau có được 02 đứa con chung, tên là Triệu Yên V, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2005 và Triệu Thái T, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2007. Hiện nay, các con đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi 02 con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà tự thỏa thuận với ông D, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên bà cũng không yêu cầu giải quyết.

*\* Trong biên bản lấy lời khai của Tòa án vào ngày 30 tháng 01 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Triệu Thái D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, bà Đ trình bày là đúng sự thật. Ông đã nhiều lần năn nỉ, xin lỗi bà Đ và còn thương bà Đ nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 đứa con chung đúng như bà Đ trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho ông và bà Đ ly hôn thì ông cũng tôn trọng ý kiến của các con, có quyền lựa chọn sống với ông hoặc bà Đ.

Về tài sản chung: Ông thống nhất với ý kiến của bà Đ là tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên ông cũng không yêu cầu giải quyết.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2018/HNGĐ-ST, ngày 20/3/2018 đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lai Thị Ngọc Đ và ông Triệu Thái D.

**2.** Về con chung:

- Giao hai cháu Triệu Yên V, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2005 và Triệu Thái T, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2007 cho bà Lai Thị Ngọc Đ nuôi dưỡng.

- Ông Triệu Thái D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Ông Triệu Thái D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lai Thị Ngọc Đ và ông Triệu Thái D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/4/2018 bị đơn ông Triệu Thái D kháng cáo bản án sơ thẩm số 03/2018/HNGĐ-ST, ngày 20/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng yêu cầu Tòa án giải quyết hủy bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện; bị đơn thay đổi nội dung đơn kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm là đúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Triệu Thái D, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự chấp hành đúng theo giấy triệu tập của tòa án.

[2] Tại đơn kháng cáo đề ngày 04/4/2018 bị đơn ông Triệu Thái D kháng cáo bản án sơ thẩm số 03/2018/HNGĐ-ST, ngày 20/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng yêu cầu Tòa án giải quyết hủy bản án sơ thẩm nêu trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông D thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của ông D không vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Triệu Thái D yêu cầu Tòa án giải quyết sửa bản án sơ thẩm 03/2018/HNGĐ-ST, ngày 20/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo hướng không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn với lý do ông còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông D và bà Đ kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phường Z, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45, Quyền số 01/2004 ngày 25 tháng 10 năm 2004, nên quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà Đ là hợp pháp. Vào ngày 29/12/2017 bà Đ đã gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án được ly hôn với ông Triệu Thái D. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì: “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*”. Do vậy, bà Đ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D. Xét thấy, sau khi kết hôn thì ông D và bà Đ cũng có thời gian dài chung sống bên nhau từ năm 2004 đến tháng 11 năm 2015. Nhưng từ tháng 11 năm 2015, hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, ông D có người phụ nữ khác ở bên ngoài, làm cho cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc và hiện nay đã không còn chung sống với nhau. Bà Đ và ông D đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu,

chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Theo Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện M cũng đã tiến hành hòa giải, động viên bà Đ và ông D hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành. Do đó, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ với ông D là có căn cứ đúng pháp luật. Cho nên yêu cầu thay đổi kháng cáo của ông D không đồng ý ly hôn với bà Đ là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng thay đổi kháng cáo của ông D là không có căn cứ chấp nhận. Đồng thời, lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận. Cho nên, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Do kháng cáo của ông Triệu Thái D không được chấp nhận nên người kháng cáo ông D phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148; khoản 2 Điều 284 và Khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1/. Không chấp nhận thay đổi kháng cáo của bị đơn ông Triệu Thái D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử:*

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Lai Thị Ngọc Đ và anh Triệu Thái D.

**2. Về con chung:**

- Giao hai cháu Triệu Yến V, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2005 và Triệu Thái T, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2007 cho chị Lai Thị Ngọc Đ nuôi dưỡng.

- Anh Triệu Thái D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Triệu Thái D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lai Thị Ngọc Đ và anh Triệu Thái D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Lai Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007362 ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng và như vậy chị đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

2/. Về án phí phúc thẩm: ông Triệu Thái D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009959 ngày 04/4/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng phát hành. Như vậy ông D đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu tiền án phí phúc thẩm.

3/. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Lưu HSVA, TDS.

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Dũ**